**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2022**  
**của xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Long Thành)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tiêu chí** | **Nội dung tiêu chí** | **Yêu cầu đạt chuẩn**  *(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)* | **Kết quả thực hiện** | **Kết quả tự đánh giá của xã** | **Kết quả thẩm tra của UBND huyện** |
| **1** | **Tiêu chí số 1 về Quy hoạch** | 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn | Đạt | Có quy hoạch chung xây dựng được duyệt và được công bố công khai | **Đạt** | **Đạt** |
| 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch | Đạt | Có ban hành quy định và thực hiện đúng theo quy hoạch | **Đạt** | **Đạt** |
| **2** | **Tiêu chí số 2 về Giao thông** | 2.1. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT | Đạt 100% | 23/23 tuyến với tổng chiều dài 13,591km/13,591km được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100% | **Đạt** | **Đạt** |
| 2.2. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT | Đạt >=70% | 53/58 tuyến với tổng chiều dài 11,688km/14,322km được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 82% | **Đạt** | **Đạt** |
| 2.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT | Đạt >=50% | Theo hướng dẫn xã Long Đức không có đường nội đồng nên chỉ tiêu này không xem xét | **Đạt** | **Đạt** |
| 2.4. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã, đường trục thôn xóm đảm bảo “sáng, xanh, sạch, đẹp”. | Đạt 100% | 27/27 tuyến đã được nhân dân tự đầu tư lắp đặt với tổng cộng 627 bóng đèn đạt 100% | **Đạt** | **Đạt** |
| 2.5. Tỷ lệ km đường ngọ xóm đảm bảo “sáng, xanh, sạch, đẹp” | Đạt >=70% | Xã và nhân dân đóng góp đầu tư nhựa hóa hoặc bê tông hóa 53/58 tuyến với tổng chiều dài 11,668km/14,322km, sau khi đầu tư bê tông hóa hoặc nhựa hóa thì người dân đã đầu tư 707 bóng đèn, đạt tỷ lệ 82% | **Đạt** | **Đạt** |
| 2.6. Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông | Đạt | + Đối với các tuyến trục xã, liên xã hàng năm xã đều có kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, tuy nhiên nếu hư hỏng nhiều thì sẽ xin UBND huyện hỗ trợ kinh phí giao phòng Quản lý đô thị thực hiện duy tu sửa chữa.  + Đối với các tuyến trục thôn, xóm xã cũng xây dựng kế hoạch thực hiện, ngoài vốn ngân sách xã, còn vận động nhân dân tự duy tu bảo dưỡng các tuyến đường do dân tự quản. | **Đạt** | **Đạt** |
| **3** | **Tiêu chí số 3 về Thủy lợi** | 3.1 : Tỷ lệ diện tích đất được tưới để sản xuất nông nghiệp vào mùa khô từ các nguồn (trừ trường hợp thiếu nguồn nước, kể cả nước ngầm) | Đạt >=85% | + Diện tích sản xuất nông nghiệp vào mùa khô là 138,83ha ( trong đó : cây lâu năm 60,8ha; cây hàng năm 77,39ha).  + Diện tích tưới chủ động từ các nguồn nước (giếng khoan, giếng đào và nguồn khác) : 120,36ha  + Tỷ lệ diện tích đất được tưới để sản xuất nông nghiệp vào mùa khô từ các nguồn là : 120,36/138,83 = **86,7% > 85%** | **Đạt** | **Đạt** |
| 3.2 : Tỷ lệ km kênh mương trên địa bàn xã được kiên cố hóa và duy tu bảo dưỡng thường xuyên | Đạt 100% | Trên địa bàn xã không có hệ thống công trình thủy lợi, không có tuyến kênh cần kiên cố hóa. | **Đạt** | **Đạt** |
| 3.3 : Tỷ lệ diện tích cây trồng được sử dụng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm so với tổng diện tịch cây trồng cạn trên địa bàn xã | Đạt >=45% | + Tổng diện tích cây trồng cạn trên địa bàn xã là : 138,83ha  + Diện tích cây trồng cạn áp dụng mô hình tưới tiết kiệm là 70,5ha  + Tỷ lệ diện tích cây trồng được sử dụng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm so với tổng diện tịch cây trồng cạn là : 70,5/138,83 = **50,7%>45%** | **Đạt** | **Đạt** |
| **4** | **Tiêu chí số 4 về Điện** | 4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện | Đạt 100% | + Điện hạ thế là 46.6 km;  + Điện trung thế là 31.2 km.  + Tổng số Trạm biến áp là 43 trạm  + 100% đảm bảo theo yêu cầu kỷ thuật ngành điện | **Đạt** | **Đạt** |
| 4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn | Đạt 100% | Trên địa bàn xã Long Đức trong năm 2021 có 3.864/3.864 hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện đạt 100% | **Đạt** | **Đạt** |
| **5** | **Tiêu chí số 5 về Trường học** | Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia | Đạt >=75% | 3/3 trường chuẩn đạt tỷ lệ 100% | **Đạt** | **Đạt** |
| **6** | **Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa** | Trung tâm Văn hóa Thể thao – Học tập cộng đồng xã; Nhà văn hóa ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả | Đạt 100% | Hàng năm, UBND xã khảo sát và thống kê cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Nhà Văn hóa xã, Nhà văn hóa các khu cần sữa chữa. Từ đó có kế hoạch huy động các nguồn kinh phí và từ sự hỗ trợ của UBND huyện và kêu gọi xã hội hóa để tập trung sửa chữa; Năm 2022 tiến hành sửa chữa Trung tâm Văn hóa Thể thao – Học tập cộng đồng xã 751 triệu; Nhà văn hóa ấp 4 khu 1,1 tỷ đồng. | **Đạt** | **Đạt** |
| **7** | **Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn** | Chợ đạt chuẩn chợ văn hóa theo tiêu chuẩn của tỉnh và không có tụ điểm kinh doanh tự phát trên địa bàn | Đạt | - UBND xã tiến hành khảo sát cung cầu tại các điểm dân cư, các điểm bán hàng trên địa bàn xã. Từ đó kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân đầu tư, nâng cấp các điểm bán hàng nhỏ lẻ thành các cửa hàng bách hóa tổng hợp.  - Trên địa bàn xã có 02 cửa hàng Bách hóa Xanh và các cửa hàng tiện lợi, tạp hóa đủ cung cấp hàng hóa phục vụ Nhân Dân trên địa bàn xã.  - Đã giải tỏa xóa bỏ 4 điểm kinh doanh tự phát tại đường Long Đức – Long An và 2 điểm trên đường Lê Duẩn nên địa bàn xã không có tụ điểm mua bán tự phát | **Đạt** | **Đạt** |
| **8** | **Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông** | 8.1. Đảm bảo cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 và có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 | Đạt | UBND xã thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 là 123 thủ tục hành chính; 6 thủ tục hành chính mức độ 3; 31 thủ tục hành chính mức độ 4 | **Đạt** | **Đạt** |
| 8.2. Có hoạt động cung cấp thông tin khoa học công nghệ thông qua trang thông tin điện tử của địa phương đạt hiệu quả. | Đạt | UBND xã có Trang thông tin điện tử (<http://sub.dost-dongnai.gov.vn/Lon>g Đức) cung cấp đầy đủ các thông tin cơ bản về bộ máy hành chính, địa giới hành chính, điều kiện tự nhiên, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương  Tổng số lượng tin 8 tháng đầu năm 2022 được viết trên Website của xã là 134 tin. | **Đạt** | **Đạt** |
| **9** | **Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư** | Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng | Đạt >=99% | Xã không còn nhà tạm, dột nát và tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định 100%. | **Đạt** | **Đạt** |
| **10** | **Tiêu chí số 10 về Thu nhập và phát triển sản xuất** | 10.1: Thu nhập bình quân đầu người/năm (năm 2018 ≥ 61 triệu; năm 2019 ≥ 64 triệu; năm 2020 ≥ 66 triệu ) | Năm 2020 ≥ 66 triệu ) | Năm 2021 đạt 68,44 triệu đồng/người/năm; Năm 2020 đạt 66.33 triệu đồng/người/năm |  |  |
| 10.2 : Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 1 ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (theo giá thực tế) năm 2018 ≥ 150 triệu; Năm 2019 ≥ 160 triệu; Năm 2020 ≥ 170 triệu | Năm 2020 ≥ 170 triệu | Giá trị sản phẩm thu hoach bình quân năm 2021 trên 1ha là : 179,2 triệu đồng/ha so với năm 2018 là 165,4 triệu đồng/ha là tăng 13,8 triệu đồng/ha. | **Đạt** | **Đạt** |
| 10.3 : Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp đối với các sẩn phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương | Đạt > 80% | xã Long Đức không có sản phẩm nông nghiệp chủ lực nên không thực hiện cơ giới hóa | **Đạt** | **Đạt** |
| 10.4 : Xã có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ | Đạt | Xã Long Đức có mô hình trồng rau thủy canh đạt chuẩn VietGAP | **Đạt** | **Đạt** |
| 10.5 : Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp cóp thẩm quyền phê duyệt | Đạt | xã Long Đức thực hiện hiệu quả về quy hoạch sản xuất nông nghiệp | **Đạt** | **Đạt** |
| 10.6 : Xã có ít nhất một nhãn hiệu được công nhận | Đạt | xã Long Đức có một nhãn hiệu được chứng nhận là Hộ kinh doanh chế biến giò chả Thu Bình | **Đạt** | **Đạt** |
| **11** | **Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo** | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 theo chuẩn của Tỉnh | Đạt < 1% | Năm 2021, số hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận đa chiều chuẩn cả nước trên địa bàn xã 32 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 0.95% ( 32/3360 hộ) | **Đạt** | **Đạt** |
| **12** | **Tiêu chí số 12 về Lao động và việc làm** | 12.1. Tỷ lệ người có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động | Đạt ≥ 95% | Có 5502/5714 người có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt tỷ lệ 96,2% | **Đạt** | **Đạt** |
| 12.2. Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo trên tổng số lao động có việc làm thường xuyên | Đạt ≥ 65% | Có 3654/5502 người có việc làm được đào tạo trên tổng số lao động có việc làm thường xuyên, đạt 66,4% | **Đạt** | **Đạt** |
| **13** | **Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuấ** | 13.1. Tỷ lệ Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả | Đạt ≥ 80% | 01/01 HTX hoạt động hiệu quả đạt 100% | **Đạt** | **Đạt** |
| 13.2. Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh tham gia HTX, THT, CLB | Đạt ≥ 50% | 96 hộ/190 hộ sản xuất, kinh doanh tham gia HTX, THT, CLB, đạt tỷ lệ 50,5% | **Đạt** | **Đạt** |
| 13.3. Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch…của địa phương | Đạt | Theo hướng dẫn xã không có sản phẩm nông nghiệp chủ lực xem như hoàn thành tiêu chí | **Đạt** | **Đạt** |
| **14** | **Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo** | 14.1. Tỷ lệ trẻ em vào mẫu giáo | Đạt 100% | Có 613/613 trẻ em vào mẫu giáo đạt tỷ lệ 100% | **Đạt** | **Đạt** |
| 14.2. Tỷ lệ Tỷ lệ huy động trẻ (từ 12 đến 36 tháng tuổi) vào nhà trẻ | Đạt ≥ 50% | Có 314/613 trẻ em từ 12 đến 36 tháng tuổi vào nhà trẻ đạt tỷ lệ 55,62% | **Đạt** | **Đạt** |
| 14.3. Xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 | Đạt | Được UBND huyện công nhận xóa mù chữ : đạt mức độ 2; phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sỡ đạt mức độ 3 | **Đạt** | **Đạt** |
| **15** | **Tiêu chí số 15 về Y tế.** | 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế | Đạt ≥ 90% | năm 2021 trên địa bàn xã long đức có tất cả 11.870 đối tượng đủ điều kiện tham gia bảo hiểm y tế, tuy nhiên qua điều tra 7 nhóm đối tượng trên địa bàn chỉ có 10.730 người tham gia bảo hiểm đạt tỷ lệ 90,4% | **Đạt** | **Đạt** |
| 15.2. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên khu vực nông thôn | Đạt <1% | Qua điều tra trên hệ thống tư pháp xã thì tháng 6 năm 2021 đến tháng 6 năm 2022 trên địa bàn xã có 172 bé được sinh và có 59 bé qua đời nên tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên trên địa bàn xã Long Đức (172-59)/11.870x100% là 0,95% | **Đạt** | **Đạt** |
| 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) | Đạt ≤ 12,% | Cộng tác viên Trung tâm y tế phối hợp vơí 4 khu trên địa bàn xã khảo sát đến từng hộ gia đình để cân từng trẻ trong độ tuổi từ 0 – 5 tuổi, kết quả tổng số trẻ em là 1030, cần được 991 bé, trong đó có 93 bé bị SDD theo chiều cao nên tỷ lệ trẻ em SDD thể thấp còi theo chiều cao là 93/991x100% là 9,38% | **Đạt** | **Đạt** |
| **16** | **Tiêu chí số 16 về Văn hóa** | 16.1. Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định | Đạt | được công nhận đạt chuẩn Xã Văn hóa Nông thôn năm 2022 tại Quyết định số 7193/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 | **Đạt** | **Đạt** |
| 16.2. Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch | Đạt 100% | 4/4 khu đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt tỷ lệ 100% | **Đạt** | **Đạt** |
| 16.3. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa | Đạt ≥ 99% | có 2409/2409, đạt tỷ lệ 100% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa | **Đạt** | **Đạt** |
| 16.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ văn hóa trên địa bàn xã vi phạm quy định pháp luật mà không được xử lý và khắc phục kịp thời | Đạt | trên địa bàn xã không có xảy ra vi phạm | **Đạt** | **Đạt** |
| 16.5. Tỷ lệ ấp xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước của cộng đồng | Đạt 100% | 4/4 khu đều xây dựng và thực hiện có hiệu quả Hương ước (Quy ước) đạt tỷ lệ 100% | **Đạt** | **Đạt** |
| **17** | **Tiêu chí số 17 về Môi trường** | 17.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy định (Năm 2018 ≥ 75%; Năm 2019 ≥ 80%; Năm 2020 ≥ 85%) | Năm 2020 ≥ 85% | Năm 2022 có 2684/3043 hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định đạt tỷ lệ là 88,2% | **Đạt** | **Đạt** |
| 17.2. Chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung được thu gom, xử lý theo quy định | Đạt | + Số hộ đăng ký thu gom, xử lý rác thải thuộc hộ gia đình khu dân cư tập trung (3043/3043 hộ) đạt 100%  + Nước thải sinh hoạt của các hộ dân được thoát vào hầm tự hoại 02 ngăn hoặc hầm rút do các hộ dân tự xây dựng để đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100% (3043/3043 hộ) | **Đạt** | **Đạt** |
| 17.3. Tỷ lệ chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường | Đạt ≥ 97% | Trên địa bàn xã có 24/24 hộ chăn nuôi, qua kiểm tra và ghi nhận các hộ đều thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động | **Đạt** | **Đạt** |
| 17.4. Xã có tổ chức tự quản về môi trường | Đạt | 4/4 khu đều có Tổ tự quản về môi trường do Ủy ban nhân dân xã Quyết định thành lập và hoạt động có hiệu quả, đã vận động nhân dân đăng ký thu gom rác đạt 100% (3043/3043 hộ đăng ký thu gom rác). | **Đạt** | **Đạt** |
| 17.5. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người | Đạt 100% | Qua kiểm tra 3043 hộ trên địa bàn xã, kết quả kiểm tra vệ sinh chung nguồn nước, vệ sinh nhà tiêu, vệ sinh nhà tắm của hộ gia đình đều đạt theo yêu cầu 100% (3043/3043 hộ đạt) | **Đạt** | **Đạt** |
| 17.6. Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở “ Xanh – Sạch – Đẹp” | Đạt ≥ 90% | Qua tổ chức rà soát thống kê, đánh giá, tổng hợp kết quả có 3013 hộ có nhà cửa khang trang, cổng ngõ, hàng rào xây dựng kiên cố sạch đẹp, có chậu hoa cây kiểng cây xanh. Tổng cộng có 3013/3043 hộ, đạt tỷ lệ 93,81% hộ có cảnh quan nơi ở đảm bảo “xanh - sạch - đẹp”. | **Đạt** | **Đạt** |
| Duy trì, giữ vững Chỉ tiêu 17.4. Mai táng theo quy định và phù hợp với quy hoạch | Đạt | + Diện tích đất nghĩa trang – nghĩa địa hiện hữu trên địa bàn xã là 7.2ha hiện đang được UBND xã Long Đức quản lý  + Năm 2019 công viên Nghĩa trang Vĩnh hằng với diện tích 50ha, hiện đã được mở rộng them 50ha.  + Mục đích nhằm phục vụ cho người dân trên địa bàn xã khi qua đời có nhu cầu mai táng. Việc chôn cất trong nghĩa địa phải phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa, nếp sống văn minh hiện đại và tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng, bảo đảm vệ sinh, môi trường. Việc sử dụng đất nghĩa địa hiện nay đảm bảo theo quy hoạch và đúng mục đích. Áp dụng các công nghệ tiên tiến trong việc quản lý và sử dụng nghĩa địa. | **Đạt** | **Đạt** |
| Duy trì, giữ vững Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | Đạt 100% | + Đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ:Tổng số hộ trồng trọt, chăn nuôi nhỏ lẻ ký bản cam kết sản xuất thực phẩm an toàn: 48/48 hộ (100%); Tổng số hộ được cấp giấy chứng nhận VietGAP: chưa tham gia; Tổng số cơ sở sản xuất ban đầu có giấy chứng nhận kinh tế trang trại: không  + Đối với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm:Tổng số cơ sở có đăng ký kinh doanh : 01 cơ sở. Trong đó: Cơ sở thuộc nghành nông nghiệp: 01 cơ sở; Cơ sở thuộc nghành công thương: 0 cơ sở; Tổng số cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 01 cơ sở.  + Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm : Tổng số cơ sở kinh doanh: 90 cơ sở, trong đó : Cơ sở thuộc ngành y tế: 26 cơ sở; Cơ sở thuộc ngành công thương: 64 cơ sở  Số cơ sở cam kết thực hiện: 90 cơ sở | **Đạt** | **Đạt** |
| **18** | **Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật** | 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định của tỉnh | Đạt | + Tổng số cán bộ chuyên trách xã là 11 người, trong đó đạt chuẩn về trình độ giáo dục phổ thông, trình độ chuyên môn và chính trị là 11/11 người. Hiện nay 11/11 cán bộ chuyên trách xã đã được bồi dưỡng kiến thức an ninh quốc phòng, kiến thức quản lý nhà nước; 3/3 lãnh đạo UBND xã được bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp xã.  + Tổng số công chức xã là 10 người, trong đó đạt chuẩn về trình độ giáo dục phổ thông, trình độ chuyên môn và chính trị là 10/10 người. (01 công chức tư pháp – hộ tịch có bằng cử nhân Luật Kinh tế đang học lới cử nhân luật để đảm bảo chuẩn; 01 công chức địa chính – xây dựng mới tuyển dụng năm 2021 đang học lớp trung cấp chính trị từ tháng 09/2022) | **Đạt** | **Đạt** |
| 18.2. Xã có bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới | Đạt | Xã có bố trí công chức địa chính – xây dựng thực hiện chuyên trách về xây dựng nông thôn mới | **Đạt** | **Đạt** |
| 18.3. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đạt danh hiệu vững mạnh | Đạt | Các tổ chức chính trị, đoàn thể xã đều được ngành dọc cấp trên đánh giá hoàn thành tốt đến hoàn thành xuất sắc nhiệm | **Đạt** | **Đạt** |
| 18.4. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân xã | Đạt ≥ 90% | Kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân xã là 1583/1642 đạt tỷ lệ 96% | **Đạt** | **Đạt** |
| Giữ vững Chỉ tiêu 18.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội | Đạt | + Được sự chỉ đạo của Đảng ủy, sự điều hành của UBND xã, sự phối kết hợp của các ban ngành đoàn thể từ xã tới khu, sự hoạt động hiệu quả của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ xã trong công tác đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.  + UBND xã đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền bình đẳng giới, đã góp phần làm chuyển biến nhận thức và hành vi của cán bộ, nhà giáo, người lao động về giới và bình đẳng giới trong quan hệ đối xử giữa nam và nữ, trong thực hiện kế hoạch hóa gia đình, trong lựa chọn sinh con theo giới tính, về vị thế của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. | **Đạt** | **Đạt** |
| **19** | **Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh** | 19.1. An ninh trật tự xã hội được giữ vững; xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự | Đạt | Phối hợp tuần tra, củng cố lực lượng nòng cốt, công tác xã hội hóa về phong trào toàn dân BVANTQ thực hiện đảm bảo. Tổ chức tốt ngày hội toàn dân BVANTQ. Tổ chức diễn đàn Công an xã lắng nghe ý kiến đóng góp của nhân dân. Tình hình ANCT-TTXH trên địa bàn được giữ vững ổn định và được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự. 7/7 nội dung theo quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/04/2012 của Bộ công an Quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”. | **Đạt** | **Đạt** |
| 19.2. Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, toàn diện và hoàn thành tốt mhiệm vụ Quân sự – Quốc phòng. | Đạt | Ban Chỉ huy Quân sự xã đạt được 10/10 chỉ tiêu về Quốc phòng theo quy định. | **Đạt** | **Đạt** |